

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 40/2022/HNG -ST

Ngày: 28-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Vì thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thẩm ký phiên tòa: bà Lê Minh Anh - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1: Vì nhiệm vụ kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai thẩm vấn vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNG ngày 08 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quy định của vụ án ra xét xử số 40/2022/TLST-HNG ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn T, xã Hà T, huyện Hà T, tỉnh T, Việt Nam.

2. *Bên bị:* Chị Lê Thị C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong phiên họp ngày 14/02/2022 và trong quá trình ghi lời quy định của pháp luật tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn Tr trình bày: anh và chị Lê Thị C từng yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất quan tâm đến nhau. Sau khi sống chung không được, anh Tr yêu cầu ly hôn năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Tr yêu cầu Tòa án ghi lời quy định cho anh ly hôn chị Lê Thị C.

Vợ chồng: Anh Tr khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Lê Hoài

A, sinh ngày 03/02/2015, hiện nay cháu Hoài A đang sống với anh Tr, anh Tr đang
cải thiện nuôi dưỡng cháu Hoài A, không yêu cầu chồng C phải cải thiện nuôi
con chung cùng anh, hiện nay anh đang làm nghề công ty nên ít thời gian thu nhập hàng
tháng khoảng 18 triệu đồng.

Vấn đề: Anh Lê Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lần đầu Lê Thị C đến Tòa án vì bị khai nhận rằng
C không có mặt mà không có lý do nên không có bị khai cáo của C.

Trong phiên tòa, nguyên nhân giải quyết yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên tham
gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận xét khởi kiện, thủ tục, giải quyết
và quy trình đưa ra xét xử và phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và
Thẩm ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên nhân
của việc chỉ ra các quy định của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh
Tr đang Tòa án giải quyết cho ly hôn với chồng C và giao cháu Hoài A cho anh Tr
cải thiện nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 56; điều 81, điều 82, điều
83 và khoản 1, điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp
nhận yêu cầu của anh Tr. Ghi nhận sự nguy hại của anh Tr vì không yêu cầu
chồng C phải cải thiện nuôi con chung cùng anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ để xem xét phiên tòa, kết
quả tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chồng Lê Thị C đã triệu tập họp lần đầu hai bên Tòa án
tham gia phiên hòa giải nhưng chồng C không có mặt mà không có lý do nên Tòa
án không tiến hành hòa giải với vợ. Chồng C cũng đã đến Tòa án triệu tập họp
lần đầu hai bên tham gia phiên tòa nhưng vợ không có mặt, anh Tr vắng mặt
tại phiên tòa nhưng đã có mặt để xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử
quyết định xét xử vắng mặt anh Tr và chồng C là phù hợp với quy định tại khoản 2
điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Lê Văn Tr và chồng Lê Thị C kết hôn trên cơ sở tự
nguyện, có đăng ký kết hôn, nên vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Tr, quá trình
chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ
chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Kết
quả xác minh ngày 10/8/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình cho
thấy, quá trình chung sống giữa anh Tr và chồng C phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến
vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Mặt khác, gian dài vợ chồng
sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chồng Tr chỉ sống chung với vợ
để hỗ trợ sinh sống, mục đích hôn nhân không tồn tại. Do đó, cần cần khoản 1,

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi quy định cho anh Tr về ly hôn, ch C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh Tr khai, vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Hoài A, sinh ngày 03/02/2016, anh Tr có xu hướng trình cho Tòa án biết sao gì ý khai sinh của cháu Hoài A, trong giấy khai sinh thể hiện cháu Hoài A là con chung của anh Tr và chị C. Mặt khác, cháu Hoài A được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên có thể khẳng định cháu Hoài A là con chung của anh Tr và chị C. Tuy nhiên về mặt sinh lý thân, cháu Hoài A do anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hoài A có nguy cơ về mặt tâm lý có thể tránh xao nhãng tâm lý của con nên việc giao cháu Hoài A cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự nguy cơ của anh Tr về việc không yêu cầu ch C phải cùng nuôi con chung cùng anh.

[4]. Về tài sản: Anh Lê Văn Tr không yêu cầu Tòa án ghi nhận quy định, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Lê Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Văn Tr và chị Lê Thị C.

2. Về con chung: Công nhận cháu Lê Hoài A, sinh ngày 03/02/2016 là con chung của anh Tr và chị C. Giao cháu Hoài A cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ch C không phải cùng nuôi con chung.

Ch C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Ch C không có lợi mất mát gì về mặt thăm nom con nên không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về mặt thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Tr.

3. Về án phí: Anh Lê Văn Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhúng vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004286 ngày 07/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh Tr đã nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn Tr, chị Lê Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án có thể kháng cáo.

Trên đây là bản án của thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì nghị thi hành án dân sự, nghị phải thi hành án dân sự có quyền tho thu n

thi hành án, quy định yêu cầu thi hành án, t ăng nguy ến thi hành án hoặc b ỏ c ồng ch
thi hành án theo quy ịnh t ại các ị u 6, 7, 7a và 9 Lu ết Thi hành án Dân s ự ; th ị
hì u thi hành án ể c ả th ể c ả h ị n theo quy ịnh t ại ị u 30 Lu ết Thi hành án Dân
s ự .

N ội nh ất:

- ể ng s ự ;
- VKSND huy ến Hà Trung;
- C ơ quan ấ ả th ể c ả h ị n vì c ồng ký k ết hôn;
- Chi c ả Thi hành án dân s ự huy ến Hà Trung;
- L ề u h ị s ố v ấ ả

T/M. H ị ệ NG X Ế T X ố S ố TH ệ M
Th ệ m phán - Ch ể t ả phiên tòa

Tr ể nh Thanh H ệ ng